

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1023/QĐ-TTg
ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện Công văn số 1612/UBND-VX ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh, Công văn số 690/LĐT BXH-TE&BDG ngày 21/4/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Tình hình lao động trẻ em

1. Tình hình trẻ em

- Tổng số trẻ em (nam, nữ): 35.402 trẻ em. Trong đó:

- + Trẻ em dưới 06 tuổi: 15.800 trẻ em;
- + Trẻ em từ 06-12 tuổi: 12.220 trẻ em;
- + Trẻ em từ 12-16 tuổi: 7.382 trẻ em.

2. Tình hình trẻ em lao động trái quy định của pháp luật

Quy mô: Số lượng, tỷ lệ so với tổng số trẻ em; phân chia theo giới tính, độ tuổi: 0.

3. Tình hình trẻ em có nguy cơ lao động trái quy định của pháp luật

Quy mô: Số lượng, tỷ lệ so với tổng số trẻ em; phân chia theo giới tính, độ tuổi: 105 trẻ em (trong đó: 49 nam, 56 nữ).

Các em chủ yếu là người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc những gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo có khó khăn về kinh tế thường phụ giúp hoặc bỏ học để phụ giúp bố mẹ làm kinh tế.

II. Kết quả thực hiện chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020

1. Công tác tham mưu văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn thực hiện

Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật cho chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức, người sử dụng lao động, xã hội, cha mẹ và trẻ em. UBND huyện đã giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình trẻ em nói chung và trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật nói riêng trên địa bàn huyện để báo cáo, tham mưu kịp

thời; giao Phòng Tư pháp tiến hành rà soát văn bản và tổ chức các hội nghị tuyên truyền phổ biến về Luật Trẻ em, Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Trẻ em; giao Phòng Văn hóa và Thông tin tuyên truyền về Quyền trẻ em, các chính sách về trẻ em; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp tích cực vào công tác bảo vệ trẻ em theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định của pháp luật.

- UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành. Cụ thể:

+ Quyết định 3112/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND về việc kiện toàn Ban điều hành bảo vệ trẻ em huyện Hướng Hóa.

+ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 15/2/2017 về việc thực hiện Chương trình quyền tham gia của Trẻ em huyện Hướng Hóa, giai đoạn 2017-2020;

+ Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 30/11/2016 về việc thực hiện Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020;

+ Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 24/5/2017; Kế hoạch số 172/KH-BĐH ngày 09/5/2019 về việc triển khai tổ chức Diễn đàn trẻ em năm 2017 và 2019.

+ Kế hoạch số 249/KH-BĐH ngày 28/5/2018 của Ban Điều hành Bảo vệ trẻ em về tổ chức Hội thi “Tìm hiểu Luật Trẻ em” năm 2018 huyện Hướng Hóa.

+ Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 11/5/2017; Kế hoạch số 248/KH-UBND huyện ngày 28/5/2018; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 26/4/2019 của UBND huyện Hướng Hóa về việc triển khai thực hiện Tháng hành động vì trẻ em.

- Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 11/4/2019 về việc thực hiện “Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

2. Việc triển khai, thực hiện các nội dung thuộc Chương trình

2.1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật cho chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức, người sử dụng lao động, xã hội, cha mẹ và trẻ em

- Từ năm 2016 đến nay, UBND huyện đã chỉ đạo Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện, Phòng Tư pháp ban hành 23 kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó đưa nội dung pháp luật liên quan đến phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em để lồng ghép tổ chức tuyên truyền, phổ biến trên địa bàn, đồng thời phân công các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi việc tổ chức thực hiện ở từng lĩnh vực, địa bàn cụ thể, thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi chỉ đạo công tác này ở các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trong huyện.

- Thường xuyên chỉ đạo Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, Trung tâm VHHTT-TDĐT huyện,...đẩy mạnh công tác tuyên

truyền kiến thức, kỹ năng bảo vệ chăm sóc trẻ em; phòng ngừa giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

- Chi đạo Phòng Tư pháp huyện tổ chức 07 hội nghị triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật tại huyện, với 963 lượt người tham dự, gồm các Luật như: Bộ Luật Lao động, Luật Hộ tịch, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Trẻ em... Thành phần tham gia gồm các cán bộ lãnh đạo chủ chốt huyện, các phòng, ban ở huyện, các thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện, báo cáo viên pháp luật các cấp. Các thành phần này sau khi tiếp thu nội dung Hội nghị tuyên truyền PBGDPL tại huyện về tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình trực tiếp chỉ đạo triển khai tuyên truyền đến cán bộ, nhân dân và người lao động trên địa bàn theo kế hoạch của UBND huyện đề ra.

2.2. Nâng cao năng lực về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật

- Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành thu thập thông tin cung cầu lao động nhằm đánh giá thực trạng ở địa phương, từ đó hướng dẫn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh thường xuyên thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng xử lý về phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành, các tổ chức, người sử dụng lao động, xã hội, cha mẹ và trẻ em từ đó nâng cao kỹ năng xử lý giải quyết tình huống cho cán bộ phụ trách, nâng cao trình độ, nhận biết pháp luật cho người sử dụng lao động cũng như cha mẹ và bản thân của trẻ em. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Chương trình Phát triển vùng Hướng Hóa, Chương trình Plan Quảng Trị tổ chức hơn 30 lớp tập huấn, hội nghị với hơn 1000 người tham gia.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em triển khai thực hiện trên địa bàn huyện, trong đó yêu cầu các cơ quan, đơn vị đảm bảo thực hiện quyền trẻ em, tăng cường công tác bảo vệ trẻ em; giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quyền trẻ em và công tác bảo vệ trẻ em. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân huyện. Các vụ việc liên quan tới xâm phạm quyền trẻ em, xâm hại, lạm dụng trẻ em, sử dụng trẻ em

lao động trái quy định của pháp luật được giao cho Công an xem xét, điều tra xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; vận động sự tham gia của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân thực hiện chương trình để thực hiện tốt chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Từ năm 2016 đến nay, đã chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức hơn 30 đợt kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật (lồng ghép trong các đợt kiểm tra thực hiện pháp luật lao động). Tính đến thời điểm hiện tại trên địa bàn huyện chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm.

4. Thí điểm mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em

4.1. Mô hình Diễn đàn trẻ em

Thực hiện Thông tư 33/2014/TT- BLĐTBXH, ngày 24/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn tổ chức Diễn đàn trẻ em, nay là Thông tư 09/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông tư về hướng dẫn tổ chức Diễn đàn trẻ em. Theo quy định Diễn đàn trẻ em cấp huyện tổ chức định kỳ 2 năm một lần; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 24/5/2017; Kế hoạch số 172/KH-BĐH ngày 09/5/2019 về việc triển khai tổ chức Diễn đàn trẻ em năm 2017 và 2019. Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể tổ chức thành công Diễn đàn trẻ em năm 2017 với chủ đề “*Trẻ em với các vấn đề phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em*”; năm 2019 với chủ đề “*Trẻ em với các vấn đề trẻ em hiện nay*”, tổng số đại biểu tham dự 02 diễn đàn: 900 đại biểu trẻ em đến từ 22 xã, thị trấn, 08 đại biểu đến từ các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, 70 đại biểu Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND, UBNTTQVN huyện, các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và lãnh đạo các xã, thị trấn. Tại Diễn đàn các em tham gia nhiều hoạt động, gặp gỡ, đối thoại với lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, có 20 lượt ý kiến đặt ra được đại diện lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể lắng nghe, ghi nhận, giải thích, trao đổi và trả lời với các em, kinh phí tổ chức 02 Diễn đàn trẻ em cấp huyện 191.155 triệu đồng. Đưa 20 em tham dự Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh, 02 em tham dự Diễn đàn trẻ em toàn quốc lần thứ V, VI tại thủ đô Hà Nội.

4.2. Mô hình Câu lạc bộ quyền tham gia của trẻ em

Duy trì hoạt động 52 nhóm trẻ nòng cốt với 1.210 trẻ; thành lập 19 câu lạc bộ thủ lĩnh có 475 thành viên ở cộng đồng thôn, bản. Thông qua sinh hoạt nhóm nòng cốt, câu lạc bộ thủ lĩnh đã nâng cao nhận thức của trẻ em và người lớn về Quyền trẻ em, về Bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới. Trẻ em có kiến thức, kỹ năng và khả năng tự bảo vệ mình trước các hành vi bạo lực giới như kết

hôn trẻ em, xâm hại, quấy rối tình dục, bắt nạt học đường đồng thời góp phần tham gia tạo dựng trường học, cộng đồng an toàn, bình đẳng và thân thiện.

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm

Thực Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1235/QĐ-TTg ngày 03/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016-2020, nhiều địa phương trên địa bàn huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện thực hiện Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đem lại hiệu quả trong công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong tình hình hiện nay, góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tình hình trẻ em lao động trái quy định của pháp luật trên địa bàn không xảy ra.

Các phòng, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn luôn phát huy vai trò chủ động phối hợp trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách theo Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc tuyên truyền phổ biến cho đoàn viên, hội viên và nhân dân về Luật trẻ em, về quyền và bổn phận của trẻ em đặc biệt là quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Ngoài hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng còn trực tiếp phát tờ rơi, treo băng rôn, tổ chức các lớp tập huấn truyền, hướng dẫn các hoạt động tham gia cho trẻ em tại các Diễn đàn trẻ em, hội thi tìm hiểu Luật trẻ em năm 2016 bước đầu đã đem lại hiệu quả tác động xã hội tích cực.

Các địa phương đã tích cực hưởng ứng xây dựng các mô hình như: mô hình Diễn đàn trẻ em, mô hình trẻ nòng cốt, câu lạc bộ thủ lĩnh tại cộng đồng đem lại hiệu quả thiết thực.

5.2. Hạn chế, khó khăn

- Kinh phí bố trí tại các địa phương để thực hiện công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em tại địa phương không có nên việc thực hiện các chương trình khá khó khăn đa số được lồng ghép trong các hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, các hoạt động ngoại khóa.

- Sự tham gia của các ngành, đoàn thể đối với công tác truyền thông, giáo dục, vận động về phòng ngừa lao động trẻ em ở một số xã vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, các đoàn thể và xã hội còn thiếu chặt chẽ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em chưa được thường xuyên.

- Về công tác tuyên truyền vận động còn chưa đi vào chiều sâu, chưa cung cấp đầy đủ kiến thức về biện pháp phòng ngừa và kỹ năng sống cho các nhóm

trẻ em, cha mẹ, các thành viên trong gia đình và cộng đồng để nâng cao nhận thức và hành động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

- Cán bộ thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em từ huyện tới cơ sở có số lượng rất ít, chủ yếu là kiêm nhiệm (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có 01 lãnh đạo phòng và 01 cán bộ kiêm nhiệm; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có 01 cán bộ thực hiện công tác Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó có công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em) do đó còn nhiều hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ.

5.3. Nguyên nhân

- Do kinh tế gia đình nghèo khó, thu nhập thấp nên có nhiều em phải bỏ học đi làm, điều kiện làm việc chưa đảm bảo, bị bóc lột sức lao động. Ngoài ra, do nhận thức và hiểu biết của người sử dụng lao động và chính bản thân các em còn hạn chế nên việc vi phạm còn bị xem là bình thường. Thực tế, nhiều gia đình hám lợi trước mắt nên ép buộc con nghỉ học, đi làm. Mặt khác, nhiều phụ huynh còn quan niệm phải cho con em mình làm việc sớm để “nên người”, giúp gia đình bớt khó khăn. Một số trường hợp khác do học lực kém, thích kiếm tiền nên tự nguyện kiếm việc làm khi tuổi còn nhỏ. Trong khi đó, một số chủ sử dụng lao động cố tình vi phạm vì lợi nhuận, chi phí nhân công rẻ, dễ sai khiến...

- Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em còn chưa thường xuyên, thiếu chiều sâu. Sự tham gia của các đoàn thể ở nhiều nơi còn mang tính hình thức; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, các đoàn thể và xã hội còn thiếu chặt chẽ.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền ở các xã còn lúng túng trong lãnh, chỉ đạo xây dựng phong trào toàn xã hội, chưa phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng để giải quyết tốt những vấn đề về trẻ em.

- Quy định về độ tuổi trẻ em trong Luật Bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em chưa thống nhất với quy định về tuổi của lao động chưa thành niên trong Bộ luật lao động và độ tuổi lao động theo quy định của tổ chức ILO nên khó theo dõi, kiểm soát, thống kê, đánh giá về lao động trẻ em.

- Luật pháp, chính sách hiện hành chưa quy định cụ thể về quyền hạn, trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong việc phòng ngừa, xóa bỏ lao động trẻ em; thiếu những quy định cụ thể về cơ chế phát hiện, tố giác và xử lý vi phạm về quyền trẻ em; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chưa thiết kế được bộ công cụ riêng để nhận diện lao động trẻ em cùng các quy trình quản lý, đánh giá về lao động trẻ em để hướng dẫn các địa phương thực hiện...

- Chưa có sự quan tâm đúng mức đối với đội ngũ công tác viên thôn, bản làm công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em.

III. Đề xuất, kiến nghị xây dựng chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2021 - 2025

1. Mục tiêu

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội về tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tích cực phòng tránh tai nạn thương tích, xâm hại, bạo lực, cưỡng ép, bóc lột lao động trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em.

Nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật, chuyển đổi hành vi trong lối sống của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số nhằm giảm thiểu tình trạng cho trẻ nghỉ học để đi làm qua đó phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2021 - 2025.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động xã hội về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em với các hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với từng vùng miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân và trẻ em về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực liên quan đến bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm

3. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, kế hoạch về chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em đã ban hành, trong đó tập trung triển khai thực hiện kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em ở địa phương, đặc biệt ở cấp cơ sở. Thực hiện tốt Luật Trẻ em, Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Trẻ em... trong đó có quyền được học tập của trẻ em cũng như những điều khoản liên quan đến lao động trẻ em. Tăng cường pháp chế và thực thi các chế tài xử lý nghiêm đối với các vi phạm các quyền cơ bản của trẻ em từ gia đình đến cộng đồng.


- Đẩy mạnh chính sách trợ giúp xã hội đối với trẻ em; kết hợp dạy nghề với tạo việc làm cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tăng cường quản lý

nhà nước với việc giải quyết triệt để tình trạng sử dụng lao động trẻ em trong những điều kiện nặng nhọc, độc hại. Tại các địa phương chính quyền cơ sở cần có chính sách tốt nhất để các gia đình nghèo có việc làm và thu nhập ổn định; liên hệ chặt chẽ với doanh nghiệp trên địa bàn để tiêu thụ sản phẩm nghề làm ra, gắn liền với các điều kiện cam kết của gia đình, bảo đảm các quyền cơ bản cho trẻ em.

- Tuyên truyền nâng cao kiến thức, nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và trẻ em; Tăng cường công tác truyền thông - giáo dục về Luật Trẻ em, Công ước quốc tế về quyền trẻ em, đặc biệt là công tác vận động những gia đình nghèo không để trẻ em lao động kiếm sống. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, xã hội, các hội nghề nghiệp và cộng đồng về việc phòng ngừa tình trạng sử dụng lao động trẻ em; đưa tiêu chí không để tình trạng sử dụng lao động trẻ em, trẻ em lang thang vào nghị quyết các cấp ủy cơ sở.


- Củng cố và tổ chức quản lý tốt vai trò của đoàn thanh niên tại thôn, bản để tuyên truyền và giáo dục nhận thức cho trẻ em và cộng đồng, tổ chức theo hướng lồng ghép với các trường phổ thông, tổ chức đoàn, hội... để giảm bớt lao động trẻ em.

- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác trẻ em, bảo đảm có người được phân công nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở cấp xã và địa bàn dân cư.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ của UBND huyện Hướng Hóa./. 

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH tỉnh;
- CT, các PCT huyện;
- C, PVP;
- Lưu: VT, Phòng LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 



Phạm Trọng Hồ

**BIỂU MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**
(Kèm theo Báo cáo số: 238/BC-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Hương Hóa)

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đón 2016- 2020) | Ghi chú |
|--------|--|----------------|--------------|-----------|--------|--------|--------|--------|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | | | | |
| 1 | Tổng số trẻ em | Người | | 31.957 | 32.532 | 32.954 | 33.862 | 35.402 | | | |
| 2 | Số trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em | Người | | 120 | 90 | 66 | 105 | 50 | | | |
| 3 | Số trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em được hỗ trợ, can thiệp | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 4 | Số trẻ em lao động trái quy định của pháp luật - Phân theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16 tuổi - Phân theo các yếu tố cấu thành: (1) Số trẻ em làm các công việc nặng nhọc độc hại (2) Số trẻ em làm quá quy định về thời lượng làm việc trong ngày và trong tuần; (3) Số trẻ có tham gia làm việc vi phạm vào thời gian ban đêm | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 5 | Số trẻ em lao động trái quy định của pháp luật được hỗ trợ, can thiệp kịp thời - Theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16 | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 6 | Số chiến dịch truyền thông được tổ chức liên quan tới công tác phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em | Chiến dịch | | 1 | 3 | 2 | 2 | 3 | 11 | | |

* Cách ghi cột "Kế hoạch": chi ghi các số liệu có đặt ra trong kế hoạch triển khai Chương trình của địa phương

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|--------|--|--|--------------|--|--|--|--|---|--|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đòn 2016- 2020) | |
| | lao động trái quy định của pháp luật - Chiến dịch do cấp tỉnh phát động - Chiến dịch do cấp huyện phát động | | | | | | | | | |
| 7 | Số sản phẩm truyền thông được xây dựng và phát triển về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em Phân tách riêng cho từng loại sản phẩm: + Số bản tin phát thanh và truyền hình thông qua hợp tác với các cơ quan PT-TH Trung ương và địa phương + Số bản tin qua các cơ quan báo chí (báo giấy và báo điện tử) cấp Trung ương và địa phương + Số tờ rơi được phát hành + Số pa-nô, áp-phích tuyên truyền được lắp đặt + Số video clip được phát hành + Số chương trình phát thanh trên đài phát thanh địa phương + Số chương trình truyền hình trên đài truyền hình địa phương + Số bản tin điện tử + Số lượt phát sóng trên TV + Số lượt phát thanh trên Đài Phát thanh | Bản tin Bản tin Tờ Tấm Clip Ch.trình Ch.trình Bản tin Lượt Lượt | | 2 0 0 1 0 1 1 0 10 14 | 1 0 0 1 0 0 1 0 13 15 | 1 0 0 1 0 2 1 0 11 20 | 1 0 0 1 0 2 1 0 15 20 | 2 1 500 2 1 2 1 20 25 | 7 1 500 6 1 8 6 0 69 94 | |
| 8 | Số hội thảo, hội nghị có nội dung liên quan tới chủ đề phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật - Phân theo cấp tổ chức: + Cấp tỉnh chủ trì tổ chức + Cấp huyện chủ trì tổ chức + Cấp xã chủ trì tổ chức | Cuộc | | 0 2 22 | 0 1 22 | 0 2 22 | 0 2 22 | 0 3 21 | 0 10 109 | |
| 9 | Số người được tiếp nhận sản phẩm truyền thông | Người | | 200 | 250 | 250 | 300 | 300 | 1300 | |

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|--------|---|----------------|--------------|-----------|------|------|------|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đòn 2016- 2020) | |
| | - Phân theo nhóm đối tượng được tiếp nhận + Số phụ huynh, đại diện các hộ gia đình + Số trẻ em, học sinh các trường phổ thông + Số chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động | | | | | | | | | |
| 10 | Số tài liệu hướng dẫn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật được xây dựng - Phân theo cơ quan soạn thảo tài liệu: Cấp tỉnh | Tài liệu | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 11 | Số tài liệu hướng dẫn về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật được xây dựng - Phân theo cơ quan soạn thảo tài liệu: Cấp tỉnh | Tài liệu | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 12 | Số lớp tập huấn được tổ chức về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật. - Phân theo cấp tổ chức: + Cấp tỉnh chủ trì tổ chức + Cấp huyện chủ trì tổ chức + Cấp xã chủ trì tổ chức | Lớp | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 13 | Số người tham gia các lớp tập huấn về phòng ngừa, phát hiện, can thiệp, hỗ trợ trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái quy định của pháp luật. - Phân theo nhóm đối tượng đích: + Số công chức, viên chức bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cấp tỉnh + Số công chức, viên chức bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cấp huyện | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|--------|---|----------------|--------------|-----------|------|------|------|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đồn 2016- 2020) | |
| | + Số người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã + Số CTV thôn bản làm công tác bảo vệ, chăm sóc TE | | | | | | | | | |
| 14 | Số cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể và hộ gia đình được tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực về lao động trẻ em, điều kiện làm việc an toàn, phù hợp cho trẻ em | Cơ sở | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 15 | Số lớp tập huấn được tổ chức về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật. - Phân theo cấp tổ chức: + Cấp tỉnh chủ trì tổ chức + Cấp huyện chủ trì tổ chức | Lớp | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 16 | Số người tham gia các lớp tập huấn về phát hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật. Trong đó:nữ - Phân theo nhóm đối tượng đích: + Số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh Trong đó:nữ + Số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện Trong đó:nữ + Số cán bộ, công chức, viên chức cấp xã Trong đó:nữ | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 17 | Số đơn vị hành chính triển khai thí điểm mô hình Phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em - Cấp tỉnh (nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0) - Số đơn vị cấp huyện - Số đơn vị cấp xã | Đơn vị | | 22 | 22 | 22 | 21 | 21 | 21 | |
| 18 | Số lớp tập huấn được tổ chức về kỹ năng sống, kỹ | Lớp | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|--------|---|----------------|--------------|-----------|------|------|------|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đòn 2016- 2020) | |
| | năng hòa nhập cộng đồng cho trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật Tách riêng cho cấp chủ trì tổ chức: (a) Số lớp do cấp tỉnh chủ trì tổ chức (b) Số lớp do cấp huyện chủ trì tổ chức (c) Số lớp do cấp xã chủ trì tổ chức | | | | | | | | | |
| 19 | Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được tập huấn, tư vấn kỹ năng sống, kỹ năng hòa nhập cộng đồng. - Phân theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16 tuổi | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 20 | Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được hỗ trợ giáo dục - Phân theo độ tuổi: + Dưới 13 tuổi + Từ 13 đến dưới 15 tuổi + Từ 15 đến dưới 16 tuổi - Theo loại hỗ trợ: + Số người được đưa trở lại trường học + Số người được hỗ trợ nhận học bổng, miễn giảm học phí + Số người được hỗ trợ đồ dùng học tập (học cụ, sách vở, đồng phục...) + Số người nhận được các hỗ trợ giáo dục khác | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|--------|--|----------------|--------------|-----------|------|------|------|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đón 2016- 2020) | |
| 21 | Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp - Theo loại hỗ trợ: + Được đưa vào các cơ sở dạy nghề + Được hỗ trợ kinh phí cho việc học nghề | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 22 | Số trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được hỗ trợ giới thiệu việc làm phù hợp | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 23 | Số hộ gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được trợ giúp về kiến thức, kỹ năng, tay nghề; - Theo loại hỗ trợ cho hộ gia đình: + Có thành viên được học nghề + Có thành viên được tập huấn kỹ thuật sản xuất kinh doanh, biện pháp phát triển sản xuất + Được nhận các hỗ trợ về sinh kế khác | Hộ | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 24 | Số hộ gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được trợ giúp vay vốn phát triển kinh tế | Hộ | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 25 | Số vốn mà hộ gia đình có trẻ em tham gia lao động, trẻ em có nguy cơ và trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật được trợ giúp vay | Triệu đồng | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 26 | Số cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể và hộ gia đình có trẻ em học nghề và tham gia lao động được hỗ trợ cải thiện điều kiện làm việc phù hợp với trẻ em và theo quy định của pháp luật - Phân theo loại hỗ trợ cụ thể: + Bằng tiền | Cơ sở | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|--------|---|----------------|--------------|-----------|------|------|------|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đòn 2016- 2020) | |
| | + Bảng hiện vật + Hỗ trợ khác | | | | | | | | | |
| 27 | Địa phương có xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 (<i>Nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0</i>) | Đơn vị | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 28 | Số đơn vị hành chính triển khai lồng ghép việc thực hiện nội dung của Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 trong hoạt động của hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em - Cấp tỉnh (<i>Nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0</i>) - Số đơn vị cấp huyện - Số đơn vị cấp xã | Đơn vị | | 22 | 22 | 22 | 22 | 21 | 21 | |
| 29 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra các vi phạm quy định pháp luật về sử dụng lao động trẻ em được tiến hành Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành | Cuộc | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 30 | Số cơ sở sản xuất, kinh doanh được thanh tra, kiểm tra về lao động trẻ em Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành | Cơ sở | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 31 | Số trường hợp vi phạm quy định pháp luật về sử dụng lao động trẻ em được phát hiện Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành | Trường hợp | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| T T | Tên chỉ số | Đơn vị tính | Kế hoạch* | Thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|--------|---|----------------|--------------|-----------|------|------|------|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| | | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | Ước thực hiện 2020 | Tổng (cộng đón 2016- 2020) | |
| 32 | Số trường hợp vi phạm quy định pháp luật về sử dụng lao động trẻ em được xử lý, giải quyết Tách riêng cho: + Do cấp tỉnh tiến hành + Do cấp huyện tiến hành | Trường hợp | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 33 | Số tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhà tài trợ tham gia thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 Phân theo từng loại cá nhân, đơn vị tham gia: + Tổ chức xã hội + Doanh nghiệp + Nhà tài trợ | Đơn vị | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 34 | Số người làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đi công tác nước ngoài liên quan tới vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em | Người | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 35 | Địa phương có bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương để thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 (nếu có, ghi 1; nếu không, ghi 0) | Đơn vị | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 36 | Lượng kinh phí được bố trí từ nguồn ngân sách của địa phương để thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 | Triệu đồng | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |